

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

*** Tại điểm cầu trung tâm:**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Bắc.

Bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

*** Tại điểm cầu thành phần:**

**- Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải
Phòng.**

**- Ông Hoàng Văn Điệp - Tổ trưởng tổ dân phố Tân Kim, phường Lê Thanh
Nghị, thành phố Hải Phòng.**

Ngày 30/7/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng là điểm cầu trung tâm và tại nhà văn hoá tổ dân phố Tân Kim, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng là điểm cầu thành phần xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST-DS ngày 13/7/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 08/02/1984; số CCCD: 030184000xxx. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 3, hẻm 15/26/35, tổ dân phố NX (nay là tổ dân phố TN), phường K, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ nơi ở: Tổ dân phố ĐT, phường K, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Đức S, sinh ngày 07/7/1984; số CCCD: 030084014xxx. Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 3, hẻm 15/26/35, tổ dân phố NX (nay là tổ dân phố TN), phường K, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Hoàng Đức S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/7/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Từ năm 2015 đến nay, có nhiều thời gian vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Hoàng Thị Phương B, sinh ngày 29/6/2007 và cháu Hoàng Đức C, sinh ngày 29/8/2009; cháu Phương B đã trưởng thành, tự lập nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị L đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C cho đến khi con chung trưởng thành, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị làm lao động tự do nên đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Toà án tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh S không đến làm việc, không có quan điểm.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Hoàng Đức S là bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ của anh S); địa chỉ: Số nhà 3, hẻm 15/26/35, tổ dân phố NX (nay là tổ dân phố TN), phường K, thành phố Hải Phòng.

Bà X cung cấp: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/7/2006. Sau khi kết hôn, chị L về sinh sống cùng gia đình bà, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhiều, tuy nhiên do anh S bị nghiện nên thời gian gần đây bất đồng quan điểm. Chị L bảo với bà là chị chỉ nuôi được hai con, không nuôi thêm được chồng nghiện nên chị L đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ sống, anh S đi làm ăn, thỉnh thoảng về nhà. Đến nay, chị L có đơn xin ly hôn anh S tại TAND khu vực 8 – Hải

Phòng, bà X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị L, anh S có hai con chung là cháu Hoàng Thị Phương B, sinh ngày 29/6/2007 và cháu Hoàng Đức C, sinh ngày 29/8/2009; cháu Phương B đã trưởng thành, tự lập, chị L đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, bà nhất trí vì hiện nay anh S không thường xuyên có mặt tại nhà, chị L có công việc ổn định, có thu nhập thường xuyên nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh S không có tài sản, công nợ chung.

Đại diện tổ dân phố NX cung cấp: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức S là công dân sinh sống tại tổ dân phố NX, phường K, thành phố Hải Phòng. Chị L và anh S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/7/2006. Sau khi kết hôn, chị L về sinh sống cùng gia đình anh S tại địa phương, tuy nhiên do anh S bị nghiện thời gian dài nên vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L đưa hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh S đi làm ăn thi thoảng về thăm nhà. Đến nay chị L có quan điểm xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị L và anh S có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Phương B, sinh ngày 29/6/2007 và cháu Hoàng Đức C, sinh ngày 29/8/2009; cháu Phương B đã trưởng thành, tự lập, cháu C hiện đang sinh sống cùng chị L.

Cháu Hoàng Đức C trình bày: Cháu là con của bố Hoàng Đức S và mẹ Nguyễn Thị L. Hiện cháu đang ở cùng mẹ, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L ly hôn anh S. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Đức C, sinh ngày 29/8/2009 kể từ tháng 7 năm 2026 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đức S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Đức S có địa chỉ cư trú tại: Tổ dân phố NX (nay là tổ dân phố TN), phường K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Tại phiên toà, bị đơn anh Hoàng Đức S đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đức S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã K, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/7/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị L, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của bà X (là mẹ đẻ của anh S) có căn cứ xác định vợ chồng

chị L, anh S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thời gian gần đây anh S đi làm ăn thảnh thơi về nhà, chị L đưa hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, vợ chồng không có cuộc sống chung. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L ly hôn anh S.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh S có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Phương B, sinh ngày 29/6/2007 và cháu Hoàng Đức C, sinh ngày 29/8/2009. Cháu Phương B đã trưởng thành nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị L đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy thực tế chị L đang nuôi dưỡng cháu C, anh S không có mặt tại địa phương, không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con, còn cháu C có nguyện vọng ở cùng mẹ nên căn cứ quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu C cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định

phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Hoàng Đức S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Đức C, sinh ngày 29/8/2009 kể từ tháng 7 năm 2026 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đức S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0004844 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường K, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2006 tại UBND xã K, thành phố HD, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh